TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỘC BÌNH** **TỈNH LẠNG SƠN** Bản án số: 05/2024/HS-ST Ngày 30-01-2024	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hoàng Thị Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Giang

Ông Bùi Văn Khiêm.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Nhưỡng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Ông Hứa Thế Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2024/TLST-HS ngày 09 tháng 01 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2024/QĐXXST- HS ngày 18 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

Đỗ Quang T (tên gọi khác: Không), sinh ngày 10 tháng 01 năm 1974 tại tỉnh Thái Nguyên; nơi thường trú: Khu P, thị trấn B, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở: Số 10, ngõ 190, đường V, khối 7+11, phường K, thành phố S, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp, chức vụ khi phạm tội: Giám đốc Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên huyện L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp hiện nay: Giáo viên; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Đỗ Văn Th, sinh năm 1940 (đã chết), con bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1947; vợ: Vũ Ngọc K, sinh năm 1974; con: 02 con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1.Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Người đại diện theo ủy quyền bà Dương Thị Ánh T- Phó Giám đốc (văn bản ủy quyền số 21/CV-TTGDNNGDTX ngày 16/6/2023); vắng mặt.

2. Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Người đại diện theo ủy quyền bà Vi Thị H - Phó Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện L (văn bản ủy quyền số 3001/QĐ-UBND ngày 19/6/2023); vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị Anh T, sinh năm 1976, địa chỉ: Khu H, thị trấn B, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

4. Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1982, địa chỉ: Khu K, thị trấn B, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

5. Ông Vi Văn H, sinh năm 1982, địa chỉ: Khu Đ, thị trấn B, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

6. Ông Hoàng Đình M , sinh năm 1974, địa chỉ: Khu K, thị trấn B, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

7. Ông Nông Văn Đ, sinh năm 1966, địa chỉ: Khu T, thị trấn B, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

8. Ông Hà Văn Q, sinh năm 1979, địa chỉ: Khu 3 K, thị trấn D, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

9. Bà Lý Thị V, sinh năm 1979, địa chỉ: Khu S, thị trấn B, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

10. Bà Trần Thị K, sinh năm 1983, địa chỉ: Khu Đ, thị trấn B, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

11. Bà Nông Thị N, sinh năm 1987, địa chỉ: Khu C, thị trấn B, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

12. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1979, địa chỉ: Khu P, thị trấn B, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

13. Bà Vũ Ngọc K, sinh năm 1974, địa chỉ: Số 11, ngõ 193, đường V, khối 7+10, phường K, thành phố S, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên (GDNN-GDTX) huyện L được thành lập theo Quyết định số 1355/QĐ-UBND ngày 04/8/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Lạng Sơn về việc sáp nhập, tổ chức lại Trung tâm Dạy nghề và Trung tâm Giáo dục thường xuyên huyện L thành Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên huyện L (sau đây viết tắt là Trung tâm), là đơn vị sự nghiệp công lập, có tư cách pháp nhân và có tài khoản riêng. Trung tâm chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp về tổ chức, biên chế và hoạt động của UBND huyện L, đồng thời chịu sự hướng dẫn về chuyên môn và nghiệp vụ của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lạng Sơn, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Lạng Sơn.

Giai đoạn năm 2019, 2020 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên huyện L có Giám đốc là Đỗ Quang T; 02 Phó giám đốc là ông Hoàng Văn T và bà Dương Thị Ánh T.

Ngày 22/4/2021, UBND huyện L là cơ quan chủ quản, quản lý về tài chính, ngân sách của Trung tâm đã ra quyết định số 1248/QĐ-UBND về thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng đối với Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên huyện L giai đoạn 2019 – 2020.

Đoàn thanh tra theo quyết định số 1248/QĐ-UBND ngày 22/4/2021 của Ủy ban nhân dân huyện L tiến hành làm việc và đã chỉ ra một số vi phạm của Trung tâm.

Tại Kết luận số 1371/KL-UBND ngày 20/7/2021 của Chủ tịch UBND huyện L chỉ ra những vi phạm và yêu cầu thu hồi tổng số tiền **714.043.677** đồng (*bảy trăm, mười bốn triệu, không trăm bốn mươi ba nghìn, sáu trăm bảy mươi bảy đồng)* đối với các nội dung vi phạm cụ thể như sau:

1. Chi ***vượt định mức phụ cấp trách nhiệm kế toán*** đối với bà Nguyễn Thị Anh T từ tháng 4/2020 đến tháng 6/2021 với tổng số tiền là **2.235.000 đồng** (hai triệu, hai trăm, ba mươi năm nghìn đồng).

2. Thanh toán ***tiền thêm giờ vượt định mức*** đối với bà Vũ Ngọc K và ông Vi Văn H với tổng số tiền là: **329.880** đồng (ba trăm, hai mươi chín nghìn, tám trăm tám mươi đồng).

3. Chi tiền giáo viên giảng dạy ***không đúng quy định*** đối với 06 lớp đào tạo nghề nông thôn với tổng số tiền sai phạm là **63.636.000** đồng (sáu mươi ba triệu, sáu trăm ba mươi sáu nghìn đồng).

4. Chi tiền mua vật tư, nguyên liệu phục vụ 07 lớp học nghề nông thôn ***vượt định mức*** với tổng số tiền là **28.765.450** đồng (hai mươi tám triệu, bảy trăm sáu mươi năm nghìn, bốn trăm năm mươi đồng).

5. Chi tiền tuyển sinh, khai giảng, bế giảng, chứng chỉ đào tạo, chi mua tài liệu, giáo trình, học liệu, học nghề, thuê lớp học, văn phòng phẩm cho giáo viên, học viên của 05 lớp học nghề nông thôn ***vượt định mức*** với tổng số tiền là **11.588.281** đồng (mười một triệu, năm trăm tám mươi tám nghìn, hai trăm tám mươi mốt đồng).

6. ***Chưa thực hiện nộp thuế thu nhập doanh nghiệp*** 02% với số tiền **7.192.747** đồng (bảy triệu, một trăm chín mươi hai nghìn, bảy trăm bốn mươi bảy đồng) và trích 40% lập nguồn thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở với số tiền **140.977.841** đồng (một trăm bốn mươi triệu, chín trăm bảy mươi bảy nghìn, tám trăm bốn mươi mốt đồng), từ nguồn thu đào tạo, cấp chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số.

7. Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với bà Nguyễn Thị H, giáo viên của Trung tâm được cử dạy tiếng dân tộc thiểu số khi mở 8 lớp tiếng Tày với ***số tiền thanh toán sai quy định*** là **122.777.350** đồng (một trăm hai mươi hai triệu, bảy trăm bảy mươi bảy nghìn, ba trăm năm mươi đồng).

8. ***Chưa thực hiện nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 02%*** với số tiền là **10.205.880** đồng (mười triệu hai trăm linh năm nghìn, tám trăm tám mươi đồng) và trích 40% để lập nguồn kinh phí điều chỉnh mức lương cơ sở với số tiền là

200.035.248 đồng (hai trăm triệu, không trăm ba mươi năm nghìn, hai trăm bốn mươi tám đồng), từ nguồn thu liên kết đào tạo.

9. ***Không có chứng từ thanh toán*** cho trường Trung học phổ thông N, huyện L với số tiền **40.000.000** đồng (bốn mươi triệu đồng) trong công tác liên kết đào tạo.

10. ***Để ngoài sổ sách kế toán*** số tiền **78.000.000** đồng (bảy mươi tám triệu đồng) là nguồn thu từ liên kết đào tạo với trường Đại học Nội vụ.

11. Chi tiếp khách dịp lễ khai giảng năm học 2019-2020 ***trùng nội dung chi từ nguồn thu*** liên kết đào tạo với nguồn thu phí gửi xe với số tiền **3.700.000** đồng (ba triệu, bảy trăm nghìn đồng).

12. Chi ***khen thưởng cho cán bộ, giáo viên, nhân viên*** có thành tích xuất sắc trong đợt thi đua 20/11/2019 trùng nội dung chi từ nguồn thu liên kết đào tạo với nguồn thu phí gửi xe với số tiền **1.500.000** đồng (một triệu, năm trăm nghìn đồng).

13. Chi ***tặng quà cho cán bộ, giáo viên, nhân viên*** nhân ngày nhà giáo Việt Nam 20/11/2019 trùng nội dung chi từ nguồn thu liên kết đào tạo với nguồn thu phí gửi xe với số tiền **3.100.000** đồng (ba triệu, một trăm nghìn đồng).

Sau khi Ủy ban nhân dân huyện L chuyển toàn bộ hồ sơ thanh tra sang Cơ quan điều tra, căn cứ tài liệu, chứng cứ thu thập được xác định Đỗ Quang T là Giám đốc Trung tâm có hành vi vì động cơ cá nhân mà lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái công vụ đối với việc thanh toán tiền thù lao giáo viên giảng dạy của 06 (sáu) lớp đào tạo nghề nông thôn trong năm 2019, 2020 sai quy định, gây thiệt hại về tài sản số tiền là 63.636.000 đồng (sáu mươi ba triệu, sáu trăm ba mươi sáu nghìn đồng). Cụ thể nội dung sự việc phạm tội như sau:

Đỗ Quang T được bổ nhiệm Giám đốc Trung tâm GDNN-GDTX huyện L từ ngày 06/02/2017 theo Quyết định số 143/QĐ-UBND ngày 03/02/2017 của Chủ tịch UBND huyện L, thời hạn bổ nhiệm là 05 năm. Trong 02 năm 2019, 2020, Trung tâm GDNN-GDTX đã lập hồ sơ đề nghị mở lớp và thực hiện đào tạo nhiều lớp dạy nghề chăn nuôi nông thôn, nguồn tiền sử dụng từ ngân sách nhà nước cấp cho Trung tâm. Do Trung tâm GDNN-GDTX chỉ có 01 giáo viên cơ hữu, chuyên môn Chăn nuôi – thú y là ông Vi Văn H nên khi lập hồ sơ đề nghị mở lớp nếu để ông Vi Văn H giảng dạy nhiều lớp thì thời khóa biểu của các lớp sẽ trùng nhau đồng thời ông Vi Văn H không đảm bảo có thể giảng dạy được nhiều lớp nên Trung tâm GDNN-GDTX đã lập 06 (sáu) hồ sơ, lập dự toán và thuê giáo viên ngoài để giảng dạy, ông Hoàng Văn T là Phó Giám đốc là người phụ trách tìm giáo viên. Sau khi liên hệ tìm được giáo viên, Đỗ Quang T đã ký hợp đồng với các giáo viên thuê ngoài để giảng dạy các lớp dạy nghề chăn nuôi, cụ thể: Bà Trần Thị K là cán bộ Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện L được ký hợp đồng giảng dạy lớp Kỹ thuật chăn nuôi gà năm 2019 tại thôn G, nay là thị trấn B, huyện L; Bà Lý Thị V là cán bộ Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện L được ký hợp đồng giảng dạy lớp kỹ thuật Chăn nuôi gà năm 2019 tại thôn L, xã M nay là xã X, huyện L, lớp Kỹ thuật chăn nuôi gà năm 2020 tại thôn L, xã M, huyện L và lớp Kỹ thuật

chăn nuôi gà năm 2020 tại thôn B, xã X, huyện L; ông Hà Văn Q năm 2020 là cán bộ Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện Đ nay là viên chức công tác tại Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Lạng Sơn thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lạng Sơn được ký hợp đồng lớp Kỹ thuật chăn nuôi gà năm 2020 tại thôn C, huyện L và lớp Kỹ thuật chăn nuôi gà năm 2020 tại Khu C, thị trấn B, huyện L.

Sau khi ký hợp đồng và bước vào khai giảng lớp học, bà Trần Thị K, ông Hà Văn Q, bà Lý Thị V do bận công việc vì các lý do khác nhau nên không thể lên lớp theo kế hoạch giảng dạy và đã thông báo lại cho Trung tâm thông qua ông Hoàng Văn T - Phó Giám đốc biết để thay đổi giáo viên. Khi được thông báo ông Hoàng Văn T đã báo cáo với Đỗ Quang T là Giám đốc và đề xuất ý kiến cử ông Vi Văn H thực hiện giảng dạy thay để đảm bảo tiến độ đào tạo, Đỗ Quang T đồng ý. Sau khi cử ông Vi Văn H lên lớp, Trung tâm GDNN-GDTX đã không báo cáo về việc thay đổi giáo viên lên lớp với phòng chuyên môn của huyện và không ban hành văn bản phân công. Khi kết thúc lớp học, Tổ đào tạo nghề hướng nghiệp gồm: Ông Hoàng Đình M và ông Nông Văn Đ do không nắm rõ việc ông Vi Văn H lên lớp cụ thể như thế nào nên đã tiến hành hoàn thiện hồ sơ lớp học như hồ sơ ban đầu đã ký, trên cơ sở đó kế toán là bà Nguyễn Thị Anh T đã lập hồ sơ thanh toán trình Đỗ Quang T (kế toán không biết việc thay đổi giáo viên). Đỗ Quang T biết rõ việc thay đổi giáo viên dẫn đến thay đổi chế độ, thù lao nhưng vẫn thực hiện duyệt ký nghiệm thu, thanh lý hợp đồng và thực hiện thanh toán tiền cho bà Trần Thị K, ông Hà Văn Q và bà Lý Thị V theo như hồ sơ đề nghị mở lớp ban đầu. Tuy nhiên, khi ký thủ tục giấy tờ hồ sơ, bà Trần Thị K, ông Hà Văn Q và bà Lý Thị V đều không để ý có những giấy tờ gì nên vẫn ký. Do không thực hiện theo hợp đồng ký kết, bà Trần Thị K, ông Hà Văn Q, bà Lý Thị V đã chuyển trả lại tiền cho Trung tâm GDNN-GDTX khi nhận được tiền chi cho giáo viên giảng dạy thông qua ông Hoàng Văn T, mỗi một lớp tiền thù lao giáo viên trả lại là 10.764.000 đồng (mười triệu, bảy trăm sáu mươi tư nghìn đồng). Sau khi nhận được tiền từ các giáo viên ký hợp đồng, ông Hoàng Văn T đưa lại bằng tiền mặt cho Đỗ Quang T. Khi nhận tiền về, Đỗ Quang T chưa có phương án xử lý, đến khi kết thúc cả 06 lớp nêu trên, nhận lại toàn bộ số tiền của 06 lớp tổng cộng là 64.584.000 đồng (sáu mươi tư triệu, năm trăm tám mươi tư nghìn đồng), số tiền này Đỗ Quang T cất ở tủ tại phòng làm việc của Đỗ Quang T ở Trung tâm. Đến khoảng đầu năm 2021, nhận thấy ông Vi Văn H đã vất vả, tăng ca lên nhiều lớp, thực hiện giảng dạy ngoài giờ được phân công và ở vùng sâu, vùng xa nên Đỗ Quang T đã tự quyết định trả công cho ông Vi Văn H đối với 06 lớp đào tạo nghề nông thôn toàn bộ số tiền là 64.584.000 đồng (sáu mươi tư triệu, năm trăm tám mươi tư nghìn đồng) để động viên. Tuy nhiên, việc thanh toán số tiền trên cho ông Vi Văn H là không có căn cứ. Theo khoản 3, khoản 4 Điều 10 Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17/10/2016 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 40/2019/TT-BTC ngày 28/6/2019 của Bộ Tài chính thì:

"3. Chi thù lao giáo viên, người dạy nghề tham gia đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng:

a) Giáo viên cơ hữu đang làm việc tại các cơ sở đào tạo của Nhà nước: Áp dụng mức tiền lương và các khoản phụ cấp theo lương của giảng viên, giáo viên hiện đang hưởng;

...”

Và

“4. Phụ cấp lưu động cho giáo viên, người dạy nghề, cán bộ quản lý đào tạo thường xuyên phải xuống thôn, bản, phum, sóc thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn từ 15 ngày trở lên trong tháng. Mức phụ cấp là 0,2 lần mức lương cơ sở theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Mục II Thông tư số 06/2005/TT-BNV ngày 05 tháng 01 năm 2005 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp lưu động đối với cán bộ, công chức, viên chức”.

Ông Vi Văn H là giáo viên cơ hữu của Trung tâm GDNN-GDTX, căn cứ quy định trên, ông Vi Văn H đã được hưởng lương và phụ cấp theo lương do Trung tâm chi trả hàng tháng nên chỉ được hưởng phụ cấp lưu động đối với 02 lớp Kỹ thuật chăn nuôi gà tại thôn C, xã Q và lớp Kỹ thuật chăn nuôi gà tại thôn L, xã M là 2 thôn thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn với số tiền là:

02 lớp x 0,2 x 1.490.000 đồng x (35 ngày học thực tế/22 ngày làm việc tiêu chuẩn) = 948.000 đồng (chín trăm, bốn mươi tám nghìn đồng).

Sau khi trừ đi số tiền phụ cấp ông Vi Văn H được hưởng, Đỗ Quang T đã thanh toán sai quy định cho ông Vi Văn H số tiền là: 64.584.000 đồng – 948.000 đồng = **63.636.000 đ**ồng (sáu mươi ba triệu, sáu trăm ba mươi sáu nghìn đồng). Số tiền này ông Vi Văn H sau khi nhận được đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Như vậy, Đỗ Quang T vì động cơ cá nhân (thương ông Vi Văn H vất vả) đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái công vụ (chi sai tiền thù lao giáo viên) gây thiệt hại về tài sản với số tiền **63.636.000** đồng (sáu mươi ba triệu, sáu trăm ba mươi sáu nghìn đồng) là tiền từ ngân sách Nhà nước cấp cho Trung tâm.

Đối với các khoản vi phạm còn lại, Cơ quan điều tra đã xác minh làm rõ không đủ cơ sở xác định có dấu hiệu của tội phạm, cụ thể như sau:

1. Đối với nội dung chi vượt định mức phụ cấp trách nhiệm kế toán đối với bà Nguyễn Thị Anh T từ tháng 04/2020 đến tháng 6/2021 số tiền là 2.235.000 đồng (hai triệu, hai trăm, ba mươi năm nghìn đồng). Bà Nguyễn Thị Anh T là kế toán của Trung tâm, được bổ nhiệm kế toán trưởng theo Quyết định số 1391/QĐ-UBND ngày 20/4/2015 của Ủy ban nhân dân huyện L, bà Nguyễn Thị Anh T được hưởng phụ cấp kế toán với mức phụ cấp là 0,2 thời hạn bổ nhiệm là 05 năm. Đến ngày 06/4/2020, hết thời hạn bổ nhiệm kế toán trưởng, bà Nguyễn Thị Anh T không có quyết định bổ nhiệm lại và thuộc trường hợp được bổ nhiệm phụ trách kế toán hưởng phụ cấp mức 0,1. Do không để ý đã hết thời hạn bổ nhiệm kế toán trưởng nên bà Nguyễn Thị Anh T vẫn in bảng lương, phụ cấp là 0,2 dẫn đến việc từ tháng 4/2020 đến tháng 6/2021 thanh toán vượt mức quy định tổng cộng là 2.235.000 đồng (hai triệu, hai trăm ba mươi năm nghìn đồng). Khi trình bảng lương, phụ cấp,

Đỗ Quang T duyệt chi không để ý kỹ dẫn đến việc chi vượt như trên. Tuy nhiên, số tiền thiệt hại dưới 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) nên hành vi chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự về tội *Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng* quy định tại Điều 360 Bộ luật Hình sự.

2. Đối với nội dung chi thanh toán tiền thêm giờ vượt định mức đối với bà Vũ Ngọc K và ông Vi Văn H tổng số tiền là: 329.880 đồng (ba trăm, hai mươi chín nghìn tám trăm tám mươi đồng). Bà Vũ Ngọc K và ông Vi Văn H là giáo viên của Trung tâm, tháng 01/2019, bà Vũ Ngọc K lập giấy báo làm thêm giờ với tổng số giờ làm thêm là 33 giờ, tháng 3/2019 ông Vi Văn H lập giấy báo làm thêm giờ với tổng số giờ làm thêm là 31,5 giờ. Số giờ làm thêm bà Vũ Ngọc K và ông Vi Văn H kê là số giờ đã làm thêm thực tế. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị Anh T, kế toán Trung tâm là người thực hiện thanh toán lập bảng thanh toán và Đỗ Quang T là người duyệt chi đều không nắm được quy định tại Điều 106 Bộ luật Lao động năm 2012 quy định về số giờ làm thêm mỗi tháng không quá 30 giờ nên đã thực hiện thanh toán vượt định mức cho bà Vũ Ngọc K 03 giờ với số tiền là 266.619 đồng (hai trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm mười chín đồng) và thanh toán vượt định mức cho ông Vi Văn H 1,5 giờ với số tiền là 63.261 đồng (sáu mươi ba nghìn, hai trăm sáu mươi mốt đồng). Tuy nhiên số tiền thiệt hại dưới 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) nên hành vi chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự về tội *Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng* quy định tại Điều 360 Bộ luật Hình sự.

3. Đối với nội dung chi tiền mua vật tư, nguyên liệu phục vụ 07 lớp học nghề nông thôn vượt định mức tổng số tiền là 28.765.450 đồng (hai mươi tám triệu, bảy trăm sáu mươi năm nghìn, bốn trăm năm mươi đồng) và chi tiền tuyển sinh, khai giảng, bế giảng, chứng chỉ đào tạo, chi mua tài liệu, giáo trình, học liệu, học nghề, thuê lớp học, văn phòng phẩm cho giáo viên, học viên của 05 lớp học nghề nông thôn vượt định mức tổng số tiền là 11.588.281 đồng (mười một triệu, năm trăm tám mươi tám nghìn, hai trăm tám mươi mốt đồng): Quá trình giải quyết vụ án, Cơ quan tiến hành tố tụng đã đề nghị Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Lạng Sơn phối hợp xác minh, điều tra. Tại Công văn số 2697/SLĐTBXH-GDNN ngày 22/12/2023 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Lạng Sơn xác định tiền mua vật tư, nguyên liệu phục vụ lớp học nghề của 7 lớp nghề nông thôn **vượt định mức 6.308.500 đồng**. Còn tiền tuyển sinh, khai giảng, bế giảng, chứng chỉ đào tạo, chi mua tài liệu, giáo trình, học liệu, học nghề, thuê lớp học, văn phòng phẩm cho giáo viên, học viên của 5 lớp nghề nông thôn **không vượt định mức theo quy định hiện hành.** Quá trình điều tra xác định không có việc cố ý chi vượt định mức so với quy định. Do đó, không có dấu hiệu tội phạm liên quan đến nội dung này.

4. Đối với nội dung chưa thực hiện trích lập 40% để lập nguồn điều chỉnh mức lương cơ sở với số tiền 140.977.841 đồng (một trăm bốn mươi triệu, chín trăm bảy mươi bảy nghìn, tám trăm bốn mươi mốt đồng) và chưa nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 2% với số tiền 7.192.747 đồng (bảy triệu một trăm chín mươi hai nghìn bảy trăm bốn mươi bảy đồng) từ nguồn thu đào tạo, cấp chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số (tiếng Tày) và chưa thực hiện trích lập 40% để lập nguồn điều chỉnh mức lương cơ sở với số tiền 200.035.248 đồng (hai trăm triệu, không trăm

ba mươi năm nghìn, hai trăm bốn mươi tám đồng) và chưa nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 2% với số tiền 10.205.880 đồng (mười triệu, hai trăm linh năm nghìn, tám trăm tám mươi đồng) từ nguồn thu liên kết đào tạo nghề. Quá trình điều tra xác định Đỗ Quang T là Giám đốc và bà Nguyễn Thị Anh T là kế toán của Trung tâm không nắm được quy định về việc trích lập nguồn điều chỉnh mức lương cơ sở và trích nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ của Trung tâm nên các khoản thu này đã được sử dụng chi cho các hoạt động của Trung tâm. Tuy nhiên, pháp luật cho phép trích lập bổ sung và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung. Do đó, trên cơ sở số tiền Trung tâm đã nộp lại theo quyết định thu hồi, UBND huyện L đã ra Quyết định số 6821 ngày 21/12/2022 về việc hoàn trả kinh phí thực hiện trích lập nguồn điều chỉnh mức lương cơ sở số tiền là 341.013.089 đồng (ba trăm, bốn mươi mốt triệu, không trăm mười ba nghìn, không trăm tám mươi chín đồng) và trích chuyển nộp thuế thu nhập doanh nghiệp số tiền là 17.398.627 đồng (mười bảy triệu, ba trăm, chín mươi tám nghìn, sáu trăm hai mươi bảy đồng). Như vậy, Trung tâm đã trích lập nộp 40% để lập nguồn điều chỉnh mức lương cơ sở và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 2% bổ sung theo quy định. Do đó, không có dấu hiệu tội phạm liên quan đến nội dung này.

5. Đối với nội dung chi thực hiện chế độ, chính sách đối với bà Nguyễn Thị H, giáo viên của Trung tâm được cử dạy tiếng dân tộc thiểu số khi mở 8 lớp tiếng Tày với số tiền thanh toán sai quy định là **122.777.350** đồng (một trăm hai mươi hai triệu, bảy trăm bảy mươi bảy nghìn, ba trăm năm mươi đồng). Căn cứ Công văn số 3313/SGDĐT-GDTXCN ngày 02/10/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lạng Sơn cung cấp: Tại khoản 4 Điều 8 Thông tư liên tịch số 50/2011/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 03/11/2011 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện các Điều 3, 4, 5, 6, 7, 8 và Điều 9 Nghị định số 82/2010/NĐ-CP ngày 15/7/2010 của Chính phủ quy định về việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên quy định:

"Điều 8. Về chế độ chính sách

4. Kinh phí phục vụ cho hoạt động dạy và học tiếng dân tộc thiểu số, các chính sách, chế độ đối với người dạy và người học tiếng dân tộc thiểu số quy định tại thông tư này được ngân sách nhà nước đảm bảo và giao dự toán chi thường xuyên của cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên có triển khai việc dạy và học tiếng dân tộc thiểu số theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước hiện hành."

Trong các văn bản số 1438/SGDĐT-GDTXCN ngày 29/6/2018 và số 88/SGDĐT-GDTXCN ngày 13/01/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lạng Sơn về việc hướng dẫn tổ chức dạy học, kiểm tra và cấp chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số từ năm 2020. Về chế độ, chính sách đối với người dạy, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lạng Sơn cũng viện dẫn đến các quy định nêu trên. Tuy nhiên, qua thực tế cho thấy do nguồn kinh phí ngân sách hạn hẹp, không có nguồn chi mở

các lớp tiếng dân tộc nên các trung tâm tổ chức các lớp tiếng dân tộc từ nguồn xã hội hóa của người học.

Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã ban hành Quyết định số 05/2013/QĐ-UBND ngày 18/4/2013 về việc ban hành quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, trong đó đối tượng áp dụng là người dạy thêm, người học thêm có thu tiền, các tổ chức cá nhân hoạt động dạy thêm, học thêm có thu tiền hoặc có liên quan đến hoạt động dạy thêm có thu tiền trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn. Theo đó, tại khoản b, Điều 8 Quyết định: Thu, quản lý và sử dụng tiền học thêm có đưa ra mức chi:

"- 70% chi trả thù lao cho giáo viên trực tiếp dạy thêm;

- 30% chi cho công tác quản lý dạy thêm, học thêm của nhà trường; chi tiền điện, nước và sửa chữa cơ sở vật chất phục vụ dạy thêm, học thêm."

Đối với các lớp tiếng dân tộc Tày do Trung tâm GDNN-GDTX huyện L không sử dụng ngân sách nhà nước để tổ chức thực hiện, có thể coi đây là một hình thức tổ chức học thêm trên nhu cầu tự nguyện của người học, do vậy, Trung tâm GDNN-GDTX huyện L không sử dụng kinh phí của Nhà nước để tổ chức dạy tiếng dân tộc cho học viên thì có thể vận dụng cách chi trả cho giáo viên theo quy định tại Quyết định số 05/2013/QĐ-UBND ngày 18/4/2013 của UBND tỉnh Lạng Sơn.

Theo kế hoạch giảng dạy các lớp tiếng dân tộc Tày là 400 tiết/01 lớp, trong đó: 230 tiết học lý thuyết, 50 tiết thực tế, 120 tiết tự học có hướng dẫn (Thực hành). Tuy nhiên, sổ báo giảng các lớp tiếng Tày thực tế giáo viên chỉ ghi 280 tiết/ 01 lớp, gồm 230 tiết học lý thuyết, 50 tiết thực tế, còn 120 tiết tự học có hướng dẫn (thực hành) không có sổ ghi chép thể hiện. Quá trình điều tra xác định có việc hướng dẫn học viên tự học (thực hành) nên có thể vận dụng chi theo Công văn số 3313/SGDĐT-GDTXCN, ngày 02/10/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lạng Sơn đã cung cấp.

Tuy nhiên, về nguyên tắc tài chính – kế toán, việc thu chi vẫn phải tuân theo quy định. Bị cáo Đỗ Quang T, kế toán Nguyễn Thị Anh T đều khai căn cứ vào mức thuê giáo viên thỉnh giảng trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Trung tâm. Đối chiếu với Quy chế chi tiêu nội bộ thì số tiền chi cho giáo viên thỉnh giảng là 45.000 đồng/ tiết, không phải 50.000 đồng/ tiết. Do đó, Trung tâm thực hiện mức chi 50.000 đồng/tiết là quá 5.000 đồng/ tiết. Do đó, số tiền Trung tâm chi thù lao cho giáo viên sai quy định của 8 lớp tiếng Tày sử dụng kinh phí xã hội hóa là 5.000 đồng/ tiết x 400 tiết/lớp x 8 lớp bằng 16.000.000 đồng. Quá trình điều tra xác định không có việc cố ý chi sai khi thực hiện thanh toán chế độ cho bà Nguyễn Thị H nên không có dấu hiệu tội phạm liên quan đến nội dung này.

6. Đối với nội dung chi không có chứng từ thanh toán cho trường Trung học phổ thông N với số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) trong thực hiện công tác liên kết đào tạo nghề. Quá trình điều tra xác định thực tế có việc thanh toán cho trường Trung học phổ thông N số tiền trên. Tại thời điểm thanh tra, Trung tâm GDNN-GDTX huyện L không cung cấp được chứng từ do để thất lạc. Quá trình

điều tra, ông Hoàng Văn T đã tìm lại được và cung cấp chứng từ cho Cơ quan điều tra, do đó không có dấu hiệu của tội phạm.

7. Đối với nội dung để ngoài sổ sách kế toán số tiền 78.000.000 đồng (bảy mươi tám triệu đồng) là nguồn thu từ liên kết đào tạo với Trường Đại học Nội vụ mở 02 lớp bồi dưỡng quản lý nhà nước ngạch chuyên viên năm 2020. Nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo của địa phương, Trung tâm đã đề nghị với trường Đại học Nội vụ tổ chức mở 02 lớp bồi dưỡng ngạch chuyên viên theo Hợp đồng đào tạo số 003/HĐ năm 2020 thời gian đào tạo từ tháng 01/2020 đến tháng 3/2020 tổng số 61 học viên mã lớp QLNN.20.001/DVC giá trị hợp đồng đã ký: 146.400.000 đồng (một trăm, bốn mươi sáu triệu, bốn trăm nghìn đồng) và hợp đồng số 41/HĐ ngày 04/8/2020, thời gian đào tạo từ tháng 8/2020 đến tháng 10/2020 tổng số 69 học viên mã lớp QLNN.20.035/DVC giá trị hợp đồng đã ký: 165.600.000 đồng (một trăm, sáu mươi năm triệu, sáu trăm nghìn đồng). Theo hợp đồng ban đầu, Trung tâm được 20% kinh phí trích trên số thu học phí của mỗi học viên với tổng số tiền là 78.000.000 đồng (bảy mươi tám triệu đồng). Tuy nhiên, thực tế quá trình tổ chức lớp học theo Hợp đồng đào tạo số 003/HĐ năm 2020, thời gian đào tạo từ tháng 01/2020 đến tháng 3/2020 tổng số 61 học viên mã lớp QLNN.20.001/DVC tăng số học viên thực học lên tổng số 69 học viên nên giá trị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng là 165.600.000 đồng (một trăm, sáu mươi năm triệu, sáu trăm nghìn đồng). Sau khi ký hợp đồng, Đỗ Quang T giao cho bà Vũ Ngọc K và bà Hải Thị Đ đều là giáo viên của Trung tâm thu nhận hồ sơ học viên và thu tiền học phí của các học viên, mỗi học viên 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) theo Hợp đồng. Sau khi thu nhận hồ sơ và thu được học phí thì bà Vũ Ngọc K và bà Hải Thị Đ chuyển toàn bộ số tiền thu học phí cho ông Hoàng Văn T để thực hiện theo hợp đồng chuyển 80% cho Trường Đại học Nội vụ và trích lại 20% cho Trung tâm, còn hồ sơ học viên trong quá trình tổ chức lớp học ông Hoàng Văn T và bà Vũ Ngọc K đã chuyển toàn bộ cho Đại học Nội vụ. Số tiền theo từng hợp đồng trích lại 20% cho Trung tâm mỗi hợp đồng là 41.400.000 đồng (bốn mươi mốt triệu, bốn trăm nghìn đồng), tổng cộng là 82.800.000 đồng (tám mươi hai triệu, tám trăm nghìn đồng), ông Hoàng Văn T đã đưa hết cho Đỗ Quang T nhận số tiền trên và cất vào tủ tại phòng làm việc của Đỗ Quang T ở Trung tâm. Do bận nhiều công việc nên Đỗ Quang T chưa thực hiện đối chiếu sổ sách để nhập số tiền trên vào hệ thống sổ sách kế toán của đơn vị mà vẫn để tiền trong két sắt, dẫn đến để xảy ra vi phạm. Số tiền này sau đó đã được kiểm tra tại Biên bản kiểm tra của Trung tâm ngày 10/8/2021 và được Trung tâm nộp lại theo Quyết định thu hồi số 2563/QĐ-UBND ngày 26/7/2021 của Chủ tịch UBND huyện L. Số tiền để ngoài sổ sách là dưới 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) nên hành vi của Đỗ Quang T không cấu thành tội *Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng* quy định tại Điều 221 Bộ luật Hình sự.

8. Đối với nội dung chi tiếp khách trùng nội dung từ 02 nguồn thu với số tiền 3.700.000 đồng (ba triệu, bảy trăm nghìn đồng). Kết quả điều tra xác định ngày 05/9/2019, ông Nông Văn Đ – Tổ trưởng Tổ Đào tạo nghề hướng nghiệp đã lập phiếu đề nghị tiếp khách với nội dung dự lễ khai giảng năm học 2019 - 2020, gồm 30 người là cán bộ, giáo viên, nhân viên của Trung tâm và 10 khách mời của

Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, phòng ban của huyện với số lượng tổng cộng là 40 người và ngày 26/10/2019, bà Nông Thị N - Thủ quỹ của Trung tâm lập phiếu đề nghị tiếp khách với nội dung kiểm tra công tác đầu năm thành phần gồm 22 cán bộ, giáo viên, nhân viên của Trung tâm và 05 thành viên đoàn kiểm tra của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lạng Sơn, tổng cộng 02 bữa ăn hết 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) nhưng Trung tâm chưa thanh toán ngay mà nợ ở quán T địa chỉ Khu K, thị trấn B, huyện L. Đến ngày 29/12/2019, bà Nông Thị N đã lấy hóa đơn để thanh toán số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) với quán T và đến ngày 19/01/2020 Trung tâm đã thanh toán số tiền trên từ nguồn thu dịch vụ thu học phí, tiền gửi xe năm 2020. Do Trung tâm ăn cơm tiếp khách ở quán T thường hay nợ, khi có nguồn kinh phí thì mới chi trả và Trung tâm vẫn còn nợ quán T, không nhớ nợ bữa ăn nào, còn nợ số tiền 3.700.000 đồng (ba triệu, bảy trăm nghìn đồng) nên bà Nông Thị N đã lập phiếu đề nghị tiếp khách với nội dung chi tiếp khách tổ chức lễ khai giảng năm học 2019-2020 gồm 24 người là cán bộ, giáo viên, nhân viên của Trung tâm và 02 khách mời đại biểu hội cha mẹ học sinh theo phiếu đề nghị thanh toán và phiếu chi ngày 01/4/2020 để thanh toán số tiền trên trả cho quán T, nguồn chi từ thu liên kết đào tạo năm 2020 mà không biết ông Nông Văn Đ đã lập phiếu chi về nội dung này trước đó dẫn đến bị trùng nội dung. Kiểm tra Sổ Quỹ tiền mặt năm 2020 (nguồn thu liên kết đào tạo) tại số hiệu chứng từ chi 05 ngày tháng ghi sổ và ngày tháng chứng từ là 01/4/2020 có nội dung là **chi thanh toán tiền ăn sơ kết học kỳ I năm học 2019-2020** với số tiền chi là 3.700.000 đồng. Qua đó đủ căn cứ khẳng định đây chỉ là sai sót trong việc lập chứng từ (sai tiêu đề nội dung do 2 người lập khác nhau) chứ đây là khoản chi thực tế và không trùng với bữa cơm tiếp khách dịp khai giảng. Do đó, không có dấu hiệu của tội phạm liên quan đến nội dung này.

9. Đối với nội dung chi khen thưởng 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) và tặng quà 3.100.000 đồng (ba triệu một trăm nghìn đồng) trùng nội dung từ 02 nguồn kinh phí: Ngày 16/12/2019, Trung tâm chi khen thưởng 10 cá nhân có thành tích xuất sắc trong đợt thi đua 20/11/2019 (theo Quyết định số 02 ngày 18/11/2019 của Trung tâm với số tiền 1.500.000 đồng (một triệu, năm trăm nghìn đồng) từ nguồn thu dịch vụ (học phí, tiền gửi xe). Ngày 30/12/2019, Trung tâm tiếp tục căn cứ quyết định trên để lập phiếu chi thưởng tập thể, cá nhân cán bộ giáo viên nhân viên có thành tích trong phong trào thi đua kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11/2019 với tổng số tiền 1.500.000 đồng (một triệu, năm trăm nghìn đồng) từ nguồn liên kết đào tạo năm 2019. Ngày 15/11/2019, Trung tâm chi tặng quà cho cán bộ giáo viên nhân viên nhân ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11/2019 cho 31 người với tổng số tiền 3.100.000 đồng (ba triệu, một trăm nghìn đồng) từ nguồn thu liên kết đào tạo. Đến ngày 13/01/2020, Trung tâm tiếp tục chi cho cán bộ giáo viên nhân viên nhân ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11/2019 cho 31 người với tổng số tiền 3.100.000 đồng (ba triệu một trăm nghìn đồng) từ nguồn thu dịch vụ (học phí, tiền gửi xe). Thực tế cán bộ, giáo viên, nhân viên Trung tâm đều được nhận đúng theo chứng từ thể hiện, trong đó một lần nhận trực tiếp tại buổi lễ mít tinh và một lần nhận qua hình thức chuyển khoản đến tài khoản cá nhân. Do số tiền chi trực tiếp tại buổi lễ mít tinh bà Nông Thị N là thủ quỹ và bà

Nguyễn Thị Anh T là Kế toán không nhớ đã lập chứng từ chi hay chưa nên tiếp tục lập phiếu chi và chuyển khoản cho cán bộ, giáo viên, nhân viên thêm một lần nữa, người duyệt chi là Đỗ Quang T, khi duyệt cũng không để ý kiểm soát chứng từ. Tổng số tiền Trung tâm đã chi trùng là 4.600.000 đồng (bốn triệu, sáu trăm nghìn đồng). Quá trình điều tra xác định việc chi trùng là do thiếu trách nhiệm mà gây thiệt hại chứ không phải cố ý thực hiện. Do số tiền thiệt hại dưới 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) nên hành vi chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự về tội *Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng* quy định tại Điều 360 Bộ luật Hình sự.

Về quá trình thu, tạm giữ và xử lý vật chứng:

Trung tâm GDNN-GDTX huyện L đã cung cấp các tài liệu, hóa đơn, chứng từ gốc liên quan đến các nội dung được chỉ ra theo Kết luận số 1371/KL-UBND ngày 20/7/2021 của Chủ tịch UBND huyện L. Kết thúc quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã bàn giao, trả lại cho Trung tâm GDNN-GDTX huyện L theo quy định.

Về trách nhiệm dân sự:

Thực hiện theo Quyết định số 2563/QĐ-UBND ngày 26/7/2021 của UBND huyện L về việc thu hồi tổng số tiền **714.043.677** đồng (*bảy trăm, mười bốn triệu, không trăm bốn mươi ba nghìn, sáu trăm bảy mươi bảy đồng)* sai phạm phát hiện qua thanh tra tại Kết luận số 1371/KL-UBND ngày 20/7/2021 của Chủ tịch UBND huyện L, trong đó có khoản 63.636.000 đồng (sáu mươi ba triệu, sáu trăm ba mươi sáu nghìn đồng). Ngày 11/8/2021, Trung tâm GDNN-GDTX đã nộp đủ số tiền trên vào tài khoản tạm giữ của Thanh tra huyện L. Toàn bộ số tiền này sau đó đã được nộp vào ngân sách Nhà nước theo giấy ủy nhiệm chi số CTG3591.01 ngày 14/01/2022.

Tại bản Cáo trạng số 65/CT-VKSLB, ngày 27 tháng 10 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo Đỗ Quang T, về tội *Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ* theo khoản 1 Điều 356 Bộ luật Hình sự.

Ngày 30/10/2023 Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình đã thụ lý vụ án và đưa vụ án ra xét xử ngày 28/12/2023. Quá trình thẩm vấn công khai và tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử quyết định trả hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình để điều tra bổ sung do có dấu hiệu đồng phạm và trưng cầu giám định chế độ thanh toán.

Tại Công văn số 15/VKS-HS ngày 08/01/2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố và chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay: Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng. Đối với số tiền bị cáo bỏ ra để nộp cho Trung tâm theo Quyết định thu hồi, qua điều tra truy tố biết được có khoản vi phạm, có khoản không vi phạm nhưng bị cáo không xin lại mà tự nguyện nộp vào ngân sách Nhà nước.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án gồm: Nguyễn Thị Anh T, Hoàng Đình M , Nông Văn Đ, Hoàng Văn T, Trần Thị K, Lý Thị V, Hà Văn Q, Vi Văn H trình bày tại cơ quan điều tra và đã được nên chi tiết trong bản Kết luận điều tra và bản Cáo trạng. Xét thấy quá trình điều tra và các tài liệu chứng cứ chứng minh những người này không đồng phạm với bị cáo nên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Đối với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác gồm: Nông Thị N, Nguyễn Thị H,Vũ Ngọc K quá trình điều tra đã nêu trong Kết luận điều tra và bản Cáo trạng có liên quan đến các khoản vi phạm khác, tuy nhiên Cơ quan điều tra đã xác minh làm rõ không đủ cơ sở xác định có dấu hiệu của tội phạm.

Đại diện Trung tâm GDNN-GDTX huyện L bà Dương Thị Ánh T tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa ngày 28/12/2023 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo vì có những công lao đóng góp cho Trung tâm trong thời gian công tác.

Đại diện Ủy ban nhân dân huyện L bà Vi Thị H trình bày tại cơ quan điều tra đối với những khoản vi phạm nào mà kết quả điều tra, truy tố, xét xử kết luận không vi phạm thì trả lại cho cá nhân, tổ chức liên quan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Đỗ Quang T phạm tội *Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*. Áp dụng khoản 1 Điều 356, điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo Đỗ Quang T từ 15 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ. Áp dụng khoản 4 Điều 356 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bổ sung Cấm đảm nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý trong các cơ sở giáo dục thời hạn từ 02 năm đến 03 năm. Về trách nhiệm dân sự xác nhận đã giải quyết xong nên đề nghị không xem xét. Về án phí giải quyết theo luật định.

Bị cáo, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Nói lời sau cùng: Bị cáo đã nhận thấy hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, bị cáo rất hối hận đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên - người đại diện theo ủy quyền bà Dương Thị Ánh T- Phó Giám đốc, UBND huyện L, tỉnh Lạng Sơn - người đại diện theo ủy quyền bà Vi Thị H - Phó Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện L; bà Nguyễn Thị Anh T, ông Vi Văn H, ông Hoàng Đình M , ông Nông Văn Đ, ông Hà Văn Q, bà Lý Thị V, bà Trần Thị K, bà Nông Thị N, bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và họ có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy những người này đã có lời khai tại Cơ quan điều tra, việc vắng mặt của họ

không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra, cũng như tại phiên tòa hôm nay phù hợp với các tài liệu trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ xác định: Trong năm 2019, 2020 bị cáo Đỗ Quang T là Giám đốc Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên huyện L ký hợp đồng thuê giáo viên ngoài Trung tâm GDNN-GDTX để giảng dạy 06 lớp đào tạo nghề nông thôn, nguồn tiền sử dụng từ ngân sách Nhà nước. Sau khi ký hợp đồng xong và bước khai giảng lớp học, các giáo viên ký hợp đồng không lên lớp được đã báo cáo lại cho Trung tâm GDNN-GDTX, bị cáo là Giám đốc Trung tâm GDNN-GDTX đã quyết định cử ông Vi Văn H là giáo viên cơ hữu của Trung tâm GDNN-GDTX giảng dạy thay các giáo viên hợp đồng nhưng bị cáo không báo cáo với các phòng ban chuyên môn của huyện theo quy định mà vẫn giữ nguyên hợp đồng ban đầu. Khi kết thúc các lớp học bị cáo duyệt ký thủ tục thanh lý hợp đồng và thanh toán tiền cho các giáo viên thuê ngoài, khi các giáo viên thuê ngoài nhận được tiền bồi dưỡng nhưng nhận thấy không lên lớp nên đã trả lại toàn bộ số tiền cho Trung tâm GDNN-GDTX. Nhận được tiền, bị cáo không chỉ đạo nộp lại số tiền trên vào tài khoản của Trung tâm GDNN-GDTX mà giữ lại toàn bộ số tiền trên ở két sắt trong phòng làm việc của mình, sau đó bị cáo đã tự quyết định chi trả cho ông Vi Văn H là giáo viên giảng dạy thay toàn bộ số tiền của 6 lớp là 64.584.000 đồng. Theo khoản 4 Điều 10 Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17/10/2016 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 40/2019/TT-BTC ngày 28/6/2019 của Bộ Tài chính quy định: *Phụ cấp lưu động cho giáo viên, người dạy nghề, cán bộ quản lý đào tạo thường xuyên phải xuống thôn, bản, phum, sóc thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn từ 15 ngày trở lên trong tháng. Mức phụ cấp là 0,2 lần mức lương cơ sở theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Mục II Thông tư số 06/2005/TT-BNV ngày 05 tháng 01 năm 2005 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp lưu động đối với cán bộ, công chức, viên chức* thì ông Vi Văn H là giáo viên cơ hữu của Trung tâm chỉ được trả thù lao phụ cấp lưu động đối với 02 lớp mở tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn với số tiền là: 02 lớp x 0,2 x 1.490.000 đồng x (35 ngày học thực tế/22 ngày làm việc tiêu chuẩn) = 948.000 đồng (chín trăm, bốn mươi tám nghìn đồng). Như vậy, bị cáo chi sai số tiền **63.636.000** đồng (sáu mươi ba triệu, sáu trăm ba mươi sáu nghìn đồng) đã gây thiệt hại về tài sản cho ngân sách Nhà nước cấp cho Trung tâm. Với hành vi trên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình truy tố bị cáo về tội "*Lợi*

dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ" theo quy định tại khoản 1 Điều 356 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét về tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây thiệt hại về tài sản và xâm hại đến hoạt động đúng đắn trong công tác quản lý ngân sách Nhà nước của cơ quan, đơn vị mà bị cáo là người đứng đầu, ảnh hưởng đến việc thực hiện đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về đào tạo nghề nông thôn. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ việc chi trả tiền cho ông Vi Văn H là giáo viên cơ hữu của Trung tâm GDNN-GDTX là không đúng quy định theo Điều 10 Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17/10/2016 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 40/2019/TT-BTC ngày 28/6/2019 của Bộ Tài chính nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện chỉ vì bị cáo nhận thấy ông Vi Văn H lên lớp vất vả, tăng ca, lên lớp ngoài giờ, một số lớp dạy học ở xã vùng sâu, vùng xa nên bị cáo đã chi trả tiền cho ông Vi Văn H. Bị cáo không có động cơ vụ lợi cho bản thân. Động cơ phạm tội của bị cáo thuộc loại động cơ cá nhân khác, bị cáo hành động là để củng cố ảnh hưởng, uy tín của bản thân mình trong cơ quan, đơn vị. Hành vi của bị cáo cần được xử lý theo quy định của pháp luật mới đảm bảo tính nghiêm minh đồng thời nhằm giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trước khi phạm tội bị cáo chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật là người có nhân thân tốt. Tại Quyết định số 228a/QĐ-UBND ngày 28/01/2022 của UBND huyện L thi hành kỷ luật cảnh cáo đối với bị cáo vì những sai phạm xảy ra phát hiện sau khi thanh tra, không phải trước khi bị cáo phạm tội; quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; sau khi có Quyết định thu hồi của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện bị cáo đã chủ động nộp phần lớn số tiền cá nhân để khắc phục hậu quả cho Trung tâm GDNN-GDTX, trong đó có khoản 63.636.000 đồng (sáu mươi ba triệu, sáu trăm ba mươi sáu nghìn đồng), Trung tâm GDNN-GDTX đã nộp đủ số tiền theo Quyết định thu hồi vào tài khoản của Thanh tra huyện L, sau đó chuyển nộp vào ngân sách Nhà nước; quá trình công tác bị cáo đạt nhiều thành tích xuất sắc được Chủ tịch UBND huyện L tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở các năm 2018, 2019, 2020 nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa ngày 28/12/2023 người đại diện theo ủy quyền của Trung tâm GDNN-GDTX đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến công lao của bị cáo đã công hiến cho Trung tâm GDNN-GDTX mà giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; quá trình sinh sống tại địa phương, bị cáo có đóng góp vì cộng đồng (ủng hộ Trung tâm Hi vọng) nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình

sự, Hội đồng xét xử thấy xét thấy khi lượng hình cần phải cân nhắc xem xét có một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để thể hiện sự nghiêm minh. Tuy nhiên khi thông báo Kết luận của Đoàn thanh tra chỉ ra các sai phạm và yêu cầu thu hồi số tiền theo Kết luận, bị cáo đã chủ động nộp phần lớn số tiền của cá nhân cho Trung tâm GDNN-GDTX để khắc phục, bồi thường hậu quả. Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Nhiều lớp học do Trung tâm mở ra trong 02 năm 2019, 2020 mà khi đó bị cáo là người đứng đầu đã giải quyết được nhiều vấn đề liên quan đến công tác chuẩn hóa cán bộ, công chức của huyện như hoàn thiện chứng chỉ tiếng Tày, chứng chỉ quản lý nhà nước ngạch chuyên viên… Bị cáo có nơi cư trú, cụ thể rõ ràng, ngoài lần phạm tội này tại địa phương luôn chấp hành đúng chính sách pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân nơi cư trú; trong thời gian tại ngoại bị cáo không có hành vi bỏ trốn hay vi phạm pháp luật, có khả năng tự cải tạo. Xét thấy không cần thiết bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù, chưa cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo cải tạo, sửa chữa lỗi lầm tại cơ quan, địa phương nơi cư trú, giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian nhất định là phù hợp với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội của bị cáo, đồng thời cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý trong các cơ sở giáo dục trong một thời gian nhất định cũng thể hiện được sự nghiêm minh của pháp luật, đồng thời cũng giáo dục răn đe, phòng ngừa chung.

[7] Tại khoản 3 Điều 36 Bộ luật Hình sự quy định người bị kết án phải thực hiện nghĩa vụ theo quy định về cải tạo không giam giữ và bị khấu trừ thu nhập từ 05% đến 20% hàng tháng và tại khoản 4 Điều 356 của Bộ luật Hình sự quy định bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo đã tự nguyện nộp lại phần lớn số tiền sai phạm cho Trung tâm GDNN-GDTX huyện L theo Kết luận thanh tra, trong đó có cả khoản có vi phạm và khoản không có vi phạm nhưng bị cáo không xin lại nên Hội đồng xét xử quyết định miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng và không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Toàn bộ số tiền 63.636.000 đồng (sáu mươi ba triệu, sáu trăm ba mươi sáu nghìn đồng) cùng với các khoản khác, tổng cộng là 714.043.677 đồng (*Bảy trăm, mười bốn triệu, không trăm bốn mươi ba nghìn, sáu trăm bảy mươi bảy đồng)* theo Quyết định thu hồi của Chủ tịch UBND huyện L đã được Trung tâm GDNN-GDTX nộp lại ngày 11/8/2021 vào tài khoản tạm giữ của Thanh tra huyện L, trong đó bị cáo bỏ ra số tiền cá nhân để nộp là 437.665.447 đồng. Sau đó, tất cả số tiền trên đã được nộp vào ngân sách Nhà nước theo giấy ủy nhiệm chi số CTG3591.01 ngày 14/01/2022. Sau khi Ủy ban nhân dân huyện L chuyển hồ sơ thanh tra cho Cơ quan điều tra xác minh, điều tra đã làm rõ một số khoản không có vi phạm. Đối với khoản không vi phạm này, bị cáo đã nộp theo Quyết định thu hồi vào ngân sách Nhà nước. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Đỗ Quang T không có yêu cầu hoàn trả lại số tiền trên, bị cáo tự nguyện nộp để khắc phục, bồi thường hậu quả những sai lầm của bị cáo gây ra, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo.

[9] Về vật chứng: Cơ quan điều tra sau khi tạm giữ hồ sơ, chứng từ, tài liệu kế toán gốc để phục vụ điều tra đã bàn giao, trả lại cho Trung tâm GDNN-GDTX huyện L các tài liệu, chứng từ này là đúng quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Đối với ông Hoàng Văn T không được bàn bạc, thống nhất với Đỗ Quang T nhằm mục đích lập hồ sơ để thanh quyết toán trái quy định khi thực hiện 6 lớp học nghề có thuê ngoài giáo viên. Hoàng Văn T biết việc thay đổi giáo viên nhưng không báo cáo phòng ban chuyên môn của huyện là sai thủ tục, nhưng bản thân Hoàng Văn T là Phó Giám đốc phụ trách mảng dạy nghề lại không nắm rõ chế độ của giáo viên nên không biết khi thay đổi giáo viên thì dẫn đến thay đổi chế độ được hưởng của giáo viên, do đó, thiệt hại sau đó xảy ra thì lỗi của Hoàng Văn T là thiếu trách nhiệm. Do đó, Hoàng Văn T không đồng phạm với Đỗ Quang T. Do số tiền thiệt hại là **63.636.000** đồng (sáu mươi ba triệu, sáu trăm ba mươi sáu nghìn đồng), chưa đến 100.000.000 đồng để truy cứu trách nhiệm hình sự về tội *Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng* quy định tại Điều 360 Bộ luật Hình sự.

[11] Đối với bà Nguyễn Thị Anh T - kế toán Trung tâm, là người hoàn thiện hồ sơ quyết toán của 06 lớp đào tạo nghề nông thôn nhưng không biết việc thay đổi giáo viên, bà Nguyễn Thị Anh T không được thông báo về việc ông Vi Văn H lên lớp giảng dạy và không có quyết định thay đổi giáo viên nên mới hoàn thiện hồ sơ quyết toán chuyển khoản cho giáo viên ký hợp đồng theo số tài khoản như ban đầu đã ký. Do đó, không có căn cứ để xem xét, xử lý hình sự với bà Nguyễn Thị Anh T .

[12] Đối với Vi Văn H là giáo viên của Trung tâm được Ban lãnh đạo Trung tâm giao tiếp nhận giảng dạy 06 lớp nghề kỹ thuật chăn nuôi gà có thuê giáo viên ngoài nhưng giáo viên ngoài báo bận không tham gia được. Việc phân công này lãnh đạo Trung tâm không lập văn bản phân công mà chỉ chỉ đạo bằng lời nói và trên thực tế ông Vi Văn H đã trực tiếp giảng dạy xong các lớp nghề trên. Kết thúc 6 lớp học, ông Vi Văn H được nhận tiền giảng dạy từ Đỗ Quang T. Tại thời điểm nhận, ông Vi Văn H nhận thức là đã lên lớp thay thì nhận tiền giảng dạy, cũng không nắm rõ về quy định và chế độ vì lớp này là lớp dạy thay. Do đó, không có căn cứ để xem xét, xử lý hình sự với ông Vi Văn H.

[13] Đối với ông Hoàng Đình M và ông Nông Văn Đ là giáo viên của Trung tâm, công tác tại Tổ đào tạo nghề hướng nghiệp, được giao soạn thảo hồ sơ đào tạo ban đầu và hoàn thiện hồ sơ đào tạo của 06 lớp nghề kỹ thuật chăn nuôi gà có thuê giáo viên ngoài, ông Hoàng Đình M và ông Nông Văn Đ đều biết việc ông Vi Văn H lên lớp dạy thay nhưng không rõ là dạy thay như thế nào, do không có quyết định thay đổi giáo viên nên khi lập thủ tục hồ sơ vẫn nghĩ rằng ông Vi Văn H chỉ lên lớp giảng dạy một số buổi và các giáo viên hợp đồng vẫn lên lớp nên đã hoàn thiện thủ tục hồ sơ như hợp đồng ban đầu đã ký. Do đó, không có căn cứ để xem xét, xử lý hình sự với ông Hoàng Đình M và ông Nông Văn Đ.

[14] Đối với 03 giáo viên ký hợp đồng 06 lớp đào tạo nghề lao động nông thôn gồm bà Trần Thị K (01 lớp), ông Hà Văn Q (02 lớp) và bà Lý Thị V (03 lớp)

bản thân không lên lớp vì các lý do khác nhau đã báo lại Trung tâm để thay đổi giáo viên, sau này có được ký hoàn thiện hồ sơ thủ tục lớp học nhưng khi ký đều không để ý là giấy tờ, thủ tục gì, đều nghĩ là thủ tục giấy tờ ký thanh lý để chấm dứt hợp đồng giảng dạy ban đầu và ngay sau khi nhận được tiền chi trả cho giáo viên giảng dạy, các giáo viên đã chủ động trả lại cho Trung tâm với lý do không lên lớp nên không nhận. Do đó, 03 (ba) giáo viên này không có thỏa thuận từ trước và không cố ý thực hiện việc hoàn thiện hồ sơ lớp học để giúp cho Trung tâm rút tiền ra khỏi ngân sách nhà nước, bản thân các giáo viên không được hưởng lợi gì nên không đồng phạm với Đỗ Quang T.

[15] Đối với các khoản khác mà Ủy ban nhân dân huyện L đã chỉ ra các sai phạm của Trung tâm GDNN-GDTX huyện L, tuy nhiên đối với các nội dung này, Cơ quan điều tra đã xác minh làm rõ không đủ cơ sở xác định có dấu hiệu của tội phạm, Hội đồng xét xử không xem xét.

[16] Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo và các nội dung khác là phù hợp với quy định của pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[17] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[18] Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm theo các điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1, khoản 4 Điều 356; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 292, Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đỗ Quang T phạm tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ.

2. Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Đỗ Quang T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường K, thành phố S, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường K, thành phố S giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành án.

Miễn việc khấu trừ thu nhập hàng tháng cho bị cáo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

3. Về hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo Đỗ Quang T đảm nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý trong các cơ sở giáo dục trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Về án phí: Bị cáo Đỗ Quang T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

5. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- CQTHAHS CA h.Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện L, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo; NCQLNVLQ
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Hoàng Thị Ngọc